

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ HTX nông nghiệp năm 2023
theo Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 05/4/2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 315/TTr-SNN ngày 29/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách hỗ trợ HTX nông nghiệp năm 2023 theo Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang, như sau:

1. Nội dung, thời gian và số lượng HTX đề xuất hỗ trợ

- Nội dung: hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể.
- Thời gian: hỗ trợ 6 tháng cuối năm 2023 (hỗ trợ từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2023).
- Số lượng HTX: hỗ trợ 11 HTX (đưa 13 lao động trẻ về làm việc), trên địa bàn 06 huyện, trong đó:
 - + Huyện Lạng Giang: hỗ trợ 02 HTX (đưa 02 lao động trẻ về làm việc).
 - + Huyện Tân Yên: hỗ trợ 03 HTX (đưa 03 lao động trẻ về làm việc).
 - + Huyện Yên Dũng: hỗ trợ 02 HTX (đưa 02 lao động trẻ về làm việc).
 - + Huyện Việt Yên: hỗ trợ 02 HTX (đưa 03 lao động trẻ về làm việc).

+ Huyện Hiệp Hoà: hỗ trợ 01 HTX (đưa 02 lao động trẻ về làm việc).

+ Huyện Yên Thế: hỗ trợ 01 HTX (đưa 01 lao động trẻ về làm việc).

2. Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ

Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ: 422.370.000 đồng (*Bốn trăm hai hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

3. Nguồn kinh phí

Từ nguồn sự nghiệp kinh tế (ngoài định mức) đã giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2023.

(Kèm theo phụ lục danh sách HTX nông nghiệp và kinh phí hỗ trợ)

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ các quy định của Trung ương và của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, hợp tác xã trình tự hồ sơ, thủ tục triển khai thực hiện và tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ cho các Hợp tác xã theo quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; các Hợp tác xã nông nghiệp có tên tại Điều 1 và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KT, KTN, TKCT;
 - + Lưu VT, NN.Thăng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

PHỤ LỤC
HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP ĐƯA LAO ĐỘNG TRẺ VỀ LÀM VIỆC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)

DVT: đồng

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Vùng	Số lượng CB (người)	Định mức NSNN hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú	
	Tổng cộng			13		422.370.000		
I	Huyện Lạng Giang		III	2		65.520.000		
1	HTX Nông nghiệp Tân Hưng	Thôn Chuông Vàng, xã Tân Hưng		1	32.760.000	32.760.000		
2	HTX Đông Thịnh Phát	Thôn Đông Thịnh, xã Xương Lâm		1	32.760.000	32.760.000		
II	Huyện Tân Yên		III	3		98.280.000		
3	HTX nuôi ong Phồn Nhi (xã Phúc Hoà)	Thôn Phúc Lễ, xã Phúc Hoà		1	32.760.000	32.760.000	Thời điểm hỗ trợ HTX từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023 (06 tháng)	
4	HTX chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu thụ lợn sạch Tân Yên	Thôn Cầu Xi, xã Ngọc Châu		1	32.760.000	32.760.000		
5	HTX sản xuất và tiêu thụ sâm nam núi Dành Liên Chung	Thôn Sáu, xã Liên Chung		2	32.760.000	32.760.000		
III	Huyện Yên Dũng		III	2		65.520.000		
6	HTX Sao Thần Nông	Thôn Chùa, xã Tiến Dũng		1	32.760.000	32.760.000		
7	Hợp tác xã Rau sạch Yên Dũng	Thôn Huyện, xã Tiến Dũng		1	32.760.000	32.760.000		
IV	Huyện Việt Yên		III	3		98.280.000		
8	HTX nông nghiệp Gác Việt	Thôn Khả Lý Thượng, xã Quảng Minh		1	32.760.000	32.760.000		

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Vùng	Số lượng CB (người)	Định mức NSNN hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú
9	HTX Nông nghiệp Hạnh Phúc	Thôn Phúc Long, xã Tăng Tiến		2	32.760.000	65.520.000	Thời điểm hỗ trợ HTX từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023 (06 tháng)
V	Huyện Hiệp Hoà		III	2		65.520.000	
10	HTX Nông nghiệp Đồng Tâm 3	Thôn Đồng Tâm, xã Thường Thắng		2	32.760.000	65.520.000	
VI	Huyện Yên Thế		IV	1		29.250.000	
11	HTX nông nghiệp xanh Yên Thế	TDP Hoàng Hoa Thám, TT. Phồn Xương		1	29.250.000	29.250.000	